TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2022/HS-ST Ngày 12-01-2022	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Văn Tân

Bà Phan Thị Minh Phương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị P - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 65/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2021/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Lương Văn M, sinh ngày 12 tháng 4 năm 1998 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn T1, sinh năm 1977 (đã chết) và bà Phạm Thị L1, sinh năm 1975; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 31/2017/HSST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xử phạt Lương Văn M 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (đã xóa án tích); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20 tháng 8 năm 2021 đến ngày 29 tháng 8 năm 2021 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam - Công an thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Nguyễn Văn V (tên gọi khác là R), sinh ngày 02 tháng 6 năm 1999 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1974 và bà Đoàn

Thị N1, sinh năm 1977; bị cáo có vợ là Lê Thị Thanh P1, sinh năm 2000 và có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 16/2016/HSST ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Văn V 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" (đã xóa án tích); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20 tháng 8 năm 2021 đến ngày 29 tháng 8 năm 2021 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam - Công an thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn V, xã V1, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Bùi Công T, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 16 tháng 8 năm 2021, Lương Văn M trú tại thôn T, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter Gravita, màu đỏ đen, biển kiểm soát 16P4-8863 chở Nguyễn Văn V trú tại thôn B, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng đi từ huyện T sang huyện K chơi. Khi M, V đang trên phà D để qua sông, M nhìn thấy chị Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1996, trú tại thôn V, xã V1, huyện T, thành phố Hải Phòng điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 15H1-17365 đi cùng chuyến phà, tại vị trí túi quần phía trước, bên trái có 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 4 Pro, màu trắng để lộ ra ngoài. M nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị P nên nói với V "Tý cướp giật điện thoại kia", V đồng ý. Khi xuống phà, V điều khiển xe mô tô chở M ngồi sau đi theo phía sau xe của chị P. Khi đến khu vực vắng người đi lại thuộc thôn N, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng, V tăng ga xe đi song song, áp sát vào xe của chị P để M dùng tay phải giật điện thoại ở túi quần của chị P. Ngay lúc đó, V tăng ga cho xe chạy với tốc độ cao chở M chạy thoát. Tối cùng ngày, V cầm theo điện thoại đến cửa hàng Hoàng T của anh Bùi Công T, sinh năm 1972, ở thôn L, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng bán với giá 2.800.000 đồng, V và M cùng nhau chi tiêu hết. Ngày 18 tháng 8 năm 2021, chị P đến Công an xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng trình báo vụ việc. Qua xác minh tin báo, ngày 20 tháng 8 năm 2021, M và V đều bị Công an huyện K triệu tập đến làm việc, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản của chị P vào ngày 16 tháng 8 năm 2021.

Về vật chứng: Ngày 20/8/2021, Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter Gravita, màu đỏ đen, biển kiểm soát 16P4-8863; anh Bùi Công T tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 4 Pro, màu trắng. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 xe mô tô nêu trên

cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Lương Văn N và trả lại 01 điện di động nêu trên cho bị hại là chị Nguyễn Thị Minh P.

Theo Kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện K, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 4 Pro, màu trắng, đã qua sử dụng, giá trị 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Tại Cơ quan điều tra, M và V cùng khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên và khai: Ngày 20 tháng 8 năm 2021, Cơ quan điều tra tạm giữ các bị cáo và thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter Gravita, màu đỏ đen, biển kiểm soát 16P4-8863 là xe V mượn của ông Lương Văn N, sinh năm 1971, trú tại thôn Xuân Hưng, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng là người quen của bị cáo.

Tại Cơ quan điều tra, anh T, ông N cùng trình bày: Phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo về đặc điểm, nhãn hiệu xe mô tô là phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi "Cướp giật tài sản"; đặc điểm, nhãn hiệu, giá trị tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt, số tiền bị cáo V bán tài sản cho anh T, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Anh T không biết điện thoại anh mua của V với số tiền 2.800.000 là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có, không yêu cầu các bị cáo hoàn trả lại số tiền đó. Ông N không biết V mượn xe mô tô của ông để các bị cáo sử dụng vào mục đích đi "Cướp giật tài sản", ông đã nhận lại xe, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm gì khác.

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKSKT ngày 16 tháng 12 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố Lương Văn M, Nguyễn Văn V về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ về việc thực hiện hành vi phạm tội và các tình tiết khác có liên quan như nội dung vụ án đã nêu. Ngoài ra, các bị cáo đều khai trước khi bị bắt các bị cáo làm lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị và không có nguồn thu nào khác.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, chị P khai: Đúng như lời khai nhận tội của các bị cáo về thời gian, địa điểm các bị cáo thực hiện hành vi "Cướp giật tài sản"; đặc điểm, nhãn hiệu giá trị tài sản bị chiếm đoạt; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Chị P còn khai, khi bị cướp giật điện thoại, do giật mình nên chị bị đổ xe mô tô và ngã người xuống đường làm xây xước vài vị trí trên người, do thương tích nhẹ, chi phí điều trị ít nên chị không yêu cầu giám định thương tích; xe mô tô bị hư hỏng nhẹ chị đã sửa chữa xong, chi phí không lớn; trong điện thoại có lắp 01 sim điện thoại, bị cáo V đã vứt đi, không thu hồi được nhưng chị đã đăng ký lại, chi phí không lớn. Chị đã nhận lại tài sản nên đều không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường các chi phí nêu trên, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm gì khác và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết định khung, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò đồng phạm, đặc điểm nhân thân của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội, quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng; đề xuất về mức hình phạt, xử lý vật chứng, các vấn đề khác cần phải giải quyết trong vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

+ Lương Văn M mức án từ 05 (năm) 06 (sáu) tháng đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù;

+ Nguyễn Văn V mức án từ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù;

Đều về tội "Cướp giật tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù của cả hai bị cáo tính từ ngày tạm giữ 20 tháng 8 năm 2021.

- Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có việc làm, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Minh P, anh Bùi Công T, đều không có yêu cầu, đề nghị gì thêm nên không đặt ra xem xét về trách nhiệm bồi thường dân sự đối với các bị cáo.

Sau khi đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, bị cáo thành khẩn khai nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản ghi lời khai, bản tường trình của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh T, người có liên quan là ông N; kết quả khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Khoảng 18 giờ ngày 16 tháng 8 năm 2021, trên đường đi thuộc khu vực thôn N, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng, Nguyễn Văn V có hành vi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter Gravita, màu đỏ đen, biển kiểm soát 16P4-8863 chở Lương Văn M ngồi phía sau, nhanh chóng áp sáp từ phía sau lên đi song song với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển kiểm soát 15H1-17365 của chị Nguyễn Thị Minh P đang đi cùng chiều để M dùng tay phải cướp giật 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 4 Pro màu trắng đang để ở túi quần bên trái, phía trước của chị P, trị giá 5.000.000 đồng. Ngay sau đó, V tăng ga cho xe mô tô tăng tốc độ để cả hai nhanh chóng tẩu thoát. Như vậy, các bị cáo Lương Văn M, Nguyễn Văn V có hành vi sử dụng xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ để "Nhanh chóng áp sát" vào xe mô tô của bị hại, thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản rồi "Nhanh chóng tẩu thoát" là "Dùng thủ đoạn nguy hiểm" nên đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành đồng phạm tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét lý lịch các bị cáo đều được coi là chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, về nhân thân bị cáo M bị Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 31/2017/HSST ngày 15 tháng 9 năm 2017 (đã xóa án tích); bị cáo V bị Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xử phạt 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" tại Bản án số 16/2016/HSST ngày 27 tháng 6 năm 2016 (đã xóa án tích). Các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân. Lần này, hai bị cáo tiếp tục có hành vi phạm tội do cố ý, nên xác định các bị cáo đều là người có nhân thân xấu, không chấp hành pháp luật. Do đó, cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm đối với cả hai bị cáo, đồng thời để phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa, bị hại là chị P xin giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Xét vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong vụ án này, trước khi thực hiện hành vi phạm tội, hai bị cáo tuy không có sự bàn bạc từ trước, nhưng khi bị cáo M là người khởi xướng việc chiếm đoạt tài sản của bị hại, bị cáo V đồng ý, thống nhất ý chí trong việc cùng nhau thực hiện. Xác định, Đ1 là vụ án có đồng phạm. Hội đồng xét xử thấy cần có sự phân hóa hình phạt giữa các bị cáo như sau: Bị cáo M là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản nên bị cáo M có vai trò là đầu vụ, vì vậy phải chịu trách nhiệm hình sự với mức hình phạt cao hơn so với bị cáo V; bị cáo V tiếp nhận ý chí của bị cáo M, là

người điều khiển phương tiện chở bị cáo M ngồi phía sau để bị cáo M thực hiện hành vi cướp giật tài sản; bị cáo V trực tiếp mang tài sản chiếm đoạt được đi tiêu thụ để cả hai bị cáo cùng sử dụng số tiền do phạm tội mà có nên có vai trò là đồng phạm, giúp sức tích cực nên phải chịu trách nhiệm hình sự với mức hình phạt thấp hơn so với bị cáo M.

[6] Từ những phân tích, đánh giá về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội, vai trò đồng phạm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo; xác định loại hình phạt: Hội đồng xét xử xác định, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý bức xúc, hoang mang trong quần chúng nhân dân mà còn xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác. Vì vậy, cần thiết phải tiếp tục bắt các bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng để răn đe, cải tạo, giáo dục các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, xác minh, Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp vật chứng gồm: Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 4 Pro, màu trắng cho chị Nguyễn Thị Minh P và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu đỏ đen, biển kiểm soát 16P4-8863 cho ông Lương Văn N nên đều không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị P đã nhận lại đầy đủ tài sản; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh T không yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền 2.800.000 đồng anh bỏ ra mua điện thoại do bị cáo V bán, nhưng không biết đó là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có. Nay chị P, anh T cùng không yêu cầu, đề nghị các bị cáo phải bồi thường, hoàn trả gì thêm, nên đều không đặt ra xem xét về trách nhiệm bồi thường dân sự đối với các bị cáo.

[9] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo làm lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị và không có nguồn thu nào khác. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có cơ sở chấp nhận nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về án phí: Các bị cáo đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[11] Về vấn đề khác có liên quan trong vụ án: Đối với anh T có hành vi mua điện thoại của bị cáo V nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có và ông N cho bị cáo V mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter Gravita, màu đỏ đen, biển kiểm soát 16P4-8863 nhưng không biết các bị cáo sử dụng xe để thực hiện hành vi "Cướp giật tài sản" nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K đều không xử lý là có cơ sở và phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

Lương Văn M 60 (sáu mươi) tháng tù; Nguyễn Văn V 54 (năm mươi tư) tháng tù đều về tội "Cướp giật tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù của cả hai bị cáo tính từ ngày tạm giữ 20 tháng 8 năm 2021.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo đều phải nộp 200.000^{đ} (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các điều 331, 333 của Bộ luật Hình sự:

- Các bị cáo, bị hại là chị P đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh T có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7^{a} và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Trại giam Hải Phòng;
- Công an huyện K + PV 06;
- THA phạt tù + PC 10;
- Chi cục THADS huyện + Sở TP;
- Các bị cáo, bị hại, anh T;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Hoàng